

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 87/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; khoảng cách, địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông; học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông;

b) Học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú;

c) Các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; khoảng cách, địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ

1. Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày: Các xã, thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Khoảng cách, địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ:

a) Đối với học sinh tiểu học: Nhà ở xa trường từ 02 km trở lên.

b) Đối với học sinh trung học cơ sở, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở: Nhà ở xa trường từ 03 km trở lên.

c) Đối với học sinh trung học phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: Nhà ở xa trường từ 05 km trở lên.

Điều 3. Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú

1. Trang cấp đồ dùng cá nhân gồm: Chăn (chăn mùa đông, mùa hè); màn; chiếu; đệm; ga đệm; gối; túi đựng quần áo hoặc ba lô; ô che nắng, mưa hoặc áo mưa; ghế nhựa; xô đựng nước; chậu nhựa; móc phơi quần áo; bình đựng nước.

2. Trang cấp học phẩm gồm: Quần, áo (mùa đông, mùa hè); cặp sách hoặc ba lô học sinh; vở viết; giấy kiểm tra; giấy màu thủ công; bút bi; bút chì; tẩy; giấy vẽ; bút màu; máy tính bỏ túi hoặc máy tính cầm tay; bộ com pa; thước đo độ; kéo hoặc dao con; thước kẻ.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Như Điều 4 (thi hành);
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và PTTH Tuyên Quang;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh;
- Trung tâm TT và Công báo;
- Lưu VT, VHXH (VB).

(báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Vương Ngọc Hà

